

NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2009 - 2018 THÀNH TỰU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. TRẦN THỊ KIỀU ANH^(*)

Tóm tắt: Nguồn nhân lực khoa học là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một đơn vị khoa học - giáo dục; là trụ cột của nền tảng phát triển và là trung tâm của toàn bộ các nguồn lực. Quá trình xây dựng và phát triển của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (từ năm 1949 đến nay), đã trải qua 70 năm, đội ngũ các nhà giáo, nhà khoa học không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Trong khoảng 10 năm (2009-2018) trở lại đây, Học viện Chính trị quốc gia đã có sự trưởng thành về mọi mặt. Trong đó, công tác xây dựng nguồn nhân lực khoa học tuy đã đạt được những thành tựu quan trọng nhưng vẫn còn một số hạn chế, bất cập.

Từ khóa: nguồn nhân lực khoa học; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; giảng viên

1 Những kết quả đáng ghi nhận của nguồn nhân lực khoa học ● của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2018

- Có sự gia tăng về số lượng, mặc dù không đồng đều ở các chuyên ngành

Số lượng nguồn nhân lực khoa học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện) có sự gia tăng qua các năm. Tuy nhiên, số lượng nhân lực khoa học nghỉ hưu cao hơn số lượng tuyển dụng đầu vào làm giảng viên những năm gần đây và không đều về cơ cấu chuyên ngành, do nhiều nguyên nhân. Năm 2013, Học viện tổ chức tuyển dụng giảng viên, các hồ sơ dự tuyển có sự chênh lệch rất lớn về chuyên ngành (chủ yếu là chuyên ngành kinh tế, ngân hàng, còn chuyên ngành triết, chủ nghĩa xã hội khoa học, chính trị học rất ít).

Học viện có chức năng nghiên cứu và giảng dạy, do đó nguồn nhân lực khoa học có người vừa tham gia giảng dạy và nghiên cứu, có người chỉ tham gia nghiên cứu. Nguồn nhân lực khoa học tham gia giảng dạy trực tiếp tại Học viện còn thấp, thể hiện qua bảng số liệu thống kê sau (xem Bảng 1):

Qua số liệu thống kê nguồn nhân lực khoa học giai đoạn 2009 - 2018 cho thấy, không phải nguồn nhân lực khoa học ở Học viện có trình độ thạc sĩ trở lên là giảng viên; không phải tất cả số lượng nguồn nhân lực khoa học hưởng lương ngạch giảng viên là tham gia giảng dạy. Một số cán bộ có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hưởng lương giảng viên nhưng không lên lớp được với nhiều lý do, như: số cán bộ trẻ được xếp lương ngạch giảng viên nhưng đang trong quá trình đào tạo; có những người xếp lương ngạch giảng viên nhưng không tham gia giảng dạy; có những người không có khả năng giảng dạy.

^(*)Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Bảng 1: Tỷ lệ giảng viên so với tổng số nguồn nhân lực khoa học
Học viện giai đoạn 2009 - 2018**

Đơn vị: Số lượng (người); tỉ lệ (%)

Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS	GV/ ThS,TS
Tổng	649/ 890	685/ 922	700/937	725/967	687/941	674/959	676/941	736/979	731/943	765/966
Tỉ lệ %	72,9	74,29	74,7	74,9	73,0	70,28	71,83	75,17	77,51	79,19
Học viện Trung tâm	208/345	226/ 361	232/357	251/372	232/348	245/360	251/369	256/377	272/380	281/ 376
Tỉ lệ %	60,28	62,6	64,98	67,47	66,66	68,05	68,02	67,9	71,57	74,73
Học viện CTKV I	114/148	127/157	121/159	121/154	118/165	101/169	98/ 165	108/156	93/132	96/ 126
Tỉ lệ %	77,02	80,89	76,1	78,57	71,51	59,76	59,39	69,23	70,45	76,19
Học viện CTKV II	79/110	77/111	79/110	81/109	76/105	65/104	64/110	71/116	78/112	79/117
Tỉ lệ %	71,81	69,36	71,81	74,31	72,38	62,5	58,18	61,2	69,64	67,52
Học viện CTKV III	81/96	65/94	67/102	64/98	60/94	59/92	56/ 88	61/ 89	59/87	87/69
Tỉ lệ %	86,17	69,14	65,68	65,3	63,82	64,13	63,63	68,53	67,81	79,31
Học viện CTKV IV	07/28	07/29	07/30	07/34	09/36	12/41	13/41	26/45	30/49	30/49
Tỉ lệ %	25,0	24,13	23,33	20,58	25,0	29,26	31,7	57,77	61,22	61,22
Học viện BCTT	160/163	183/186	194/197	201/204	192/193	192/193	194/195	195/196	199/200	210/211
Tỉ lệ %	98,1	98,3	98,4	98,5	99,4	99,4	99,4	99,4	99,5	99,5

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Vụ Tổ chức - Cán bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong 10 năm qua, tỉ lệ giảng viên tham gia giảng dạy trực tiếp so với nguồn nhân lực khoa học ở hệ thống Học viện như sau: Học viện Trung tâm, tỉ lệ thấp nhất 60,28% năm 2009 và cao nhất 74,73% năm 2018; Học viện Chính trị khu vực I, tỉ lệ thấp nhất 59,39% năm 2015 và cao nhất 80,89% năm 2010; Học viện Chính trị khu vực II, tỉ lệ cao nhất 71,81% năm 2009 và thấp nhất 58,18% năm 2015; Học viện Chính trị khu vực III, tỉ lệ cao nhất 86,17% năm 2009 và thấp nhất 63,63% năm 2015; Học viện Chính trị khu vực IV được thành lập từ năm 2006, thời gian đầu tập trung xây dựng đội ngũ giảng dạy và sau 10 năm thành lập mới có đội ngũ giảng viên đạt 61,22% năm 2017, 2018; Học viện Báo chí và Tuyên truyền có

tỉ lệ cao nhất toàn hệ thống, với 99,5% (vì đào tạo sinh viên, nên tiêu chuẩn để tuyển làm giảng viên không cao và có thể tham gia giảng dạy ngay sau khi được tuyển dụng).

Giai đoạn 2009 - 2018, nguồn nhân lực khoa học của hệ thống Học viện tăng với tốc độ chậm, Học viện Chính trị khu vực I có những năm giảm, còn lại các Học viện trực thuộc đều tăng nhẹ, nhưng chưa có sự đột biến. Hằng năm, số lượng nguồn nhân lực khoa học có chức danh giảng viên đến tuổi nghỉ hưu nhiều và việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học để trở thành giảng viên chưa đáp ứng kịp thời. Với đặc thù của hệ thống Học viện, để đảm nhận được việc giảng dạy trên lớp, một giảng viên cần rất nhiều thời gian để bồi dưỡng và rèn luyện.

Nguồn nhân lực khoa học của Học viện là các giảng viên, nghiên cứu viên tham gia giảng dạy ở các viện chuyên ngành của Học viện Trung tâm và ở các khoa của Học viện trực thuộc. Xét về trình độ, nguồn nhân lực khoa học này ở Học viện bao gồm những người có trình độ từ thạc sĩ trở lên, đang hưởng ngạch lương giảng viên và nghiên cứu viên.

Hiện nay, Học viện có 15 viện chuyên ngành và 05 Học viện trực thuộc tham gia vào quá trình đào tạo, giảng dạy lí luận chính trị. Số lượng nguồn nhân lực khoa học của Học viện được tăng lên qua các năm. Năm 2009, tổng số nguồn nhân lực khoa học là 890 người, đến năm 2018 là 966 người (tăng 8,5%). Trong khi đó, tổng số nguồn nhân lực tại các đơn vị trong Học viện năm 2009 là 2.041 người, đến năm 2018 là 2.060 người. Điều này cho thấy tốc độ tăng của nguồn nhân lực khoa học cao hơn tốc độ tăng của nguồn nhân lực ở Học viện. Nhìn

chung, số lượng nguồn nhân lực khoa học của Học viện đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ ở các viện chuyên ngành, các Học viện trực thuộc đều được bảo đảm theo chỉ tiêu. Tuy nhiên, trước yêu cầu, thách thức mới về công tác đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới, thì số lượng nguồn nhân lực khoa học của Học viện chưa thể đáp ứng tốt. Số lượng nguồn nhân lực khoa học của Học viện mới tăng về số lượng. Bởi, do đặc thù giảng dạy tại Học viện, cán bộ có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ sau khi tốt nghiệp chưa thể lên lớp ngay, mà cần có thời gian trau dồi kiến thức, xây dựng bài giảng, thông qua bài giảng tại Hội đồng khoa học thì mới có thể lên lớp.

Nguồn nhân lực khoa học giảng dạy ở Học viện bao gồm các chức danh: giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên. Mỗi chức danh nghề nghiệp có tiêu chuẩn, nhiệm vụ cụ thể. Hiện nay, lực lượng chủ lực làm công tác giảng dạy

Bảng 2: Số lượng nguồn nhân lực khoa học có chức danh giảng viên ở Học viện giai đoạn 2009 - 2018

Đơn vị: Số lượng (người); Tỷ lệ (%)

Năm	Tổng số	Giảng viên cao cấp		Giảng viên chính		Giảng viên	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2009	721	85	11,79	401	55,62	235	32,59
2010	767	98	12,78	384	50,07	285	37,16
2011	796	99	12,44	423	53,14	274	34,42
2012	813	182	22,39	356	43,79	275	33,83
2013	790	160	20,25	331	41,90	299	37,85
2014	808	153	18,94	284	35,15	371	45,92
2015	829	154	18,58	286	34,50	389	46,92
2016	852	195	22,89	324	38,03	333	39,08
2017	831	217	26,11	282	33,94	332	39,95
2018	838	251	29,95	310	36,99	277	33,05

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Vụ Tổ chức - Cán bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

các hệ lớp ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đội ngũ giảng viên cao cấp và giảng viên chính. Đội ngũ này có nhiều năm kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy và có trình độ tiến sĩ trở lên. Trong khi đó, đội ngũ giảng viên kế cận là những người được tuyển dụng mới, sau thời gian tập sự, đang trong thời gian tích lũy kiến thức, trau dồi kiến thức qua các lớp đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh, các lớp bồi dưỡng kiến thức.

Số liệu thống kê cho thấy, số lượng giảng viên của Học viện được tăng lên qua các năm. Năm 2009, tổng số chức danh giảng viên toàn Học viện là 721 người, đến năm 2018 là 838 người. Trong đó, tăng chủ yếu là chức danh giảng viên cao cấp, năm 2009 là 85 người, năm 2018 là 251 người, tăng 166 người (gần 2 lần). Tuy nhiên, trong giai đoạn 2009 - 2018, cũng có những năm, số lượng giảng viên cao cấp giảm. Nguyên nhân là do nhiều người đến tuổi nghỉ hưu. Từ năm 2009 đến năm 2018, nhìn chung, chức danh giảng viên chính giảm. Số lượng giảng viên tăng lên không nhiều, vì phải có quá trình đào tạo mới có thể đảm nhận tốt được việc giảng dạy. Thực tế cho thấy, tỉ lệ bình quân chức danh giảng viên cao cấp đạt 19,61%; chức danh giảng viên chính đạt 42,31% và chức danh giảng viên đạt 38,08%. Đây cũng là tỉ lệ hợp lí so với cơ cấu độ tuổi và thâm niên nghề nghiệp của giảng viên ở Học viện. Có thể nói, nguồn nhân lực khoa học tham gia giảng dạy trực tiếp ở Học viện được chú trọng phát triển, nhưng không có nghĩa là chạy theo số lượng.

- Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học

Trong những năm gần đây, bên cạnh việc đổi mới trên các mặt hoạt động, Học viện đã coi trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực khoa học. Số lượng nguồn nhân lực khoa học có trình độ thạc sĩ trở lên đã được tăng lên hằng năm. Qua thống kê cho thấy, số lượng nguồn nhân lực khoa học của

Học viện có sự thay đổi mạnh về số lượng. Nguồn nhân lực khoa học có trình độ tiến sĩ tăng lên rõ rệt: năm 2009 với 336 người có trình độ tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, đến năm 2018 có 535 người, tăng 59,2%. Nguồn nhân lực khoa học có trình độ tiến sĩ giảm từ 406 người năm 2012 xuống còn 385 người năm 2013. Điều này là do thực hiện chính sách không kéo dài thời gian công tác đối với những người có trình độ tiến sĩ nhưng không tham gia giảng dạy. Nguồn nhân lực khoa học có trình độ thạc sĩ có xu hướng giảm, năm 2009 có 519 người, đến năm 2018 có 431 người. Điều này đồng nghĩa với việc tăng số lượng nguồn nhân lực khoa học có trình độ tiến sĩ. Tuy nhiên, tỉ lệ giảm của nhân lực khoa học có trình độ thạc sĩ thấp hơn tỉ lệ tăng của nhân lực khoa học có trình độ tiến sĩ.

Từ năm 2009 đến năm 2018, nguồn nhân lực khoa học có học hàm giáo sư, phó giáo sư ở Học viện tăng lên đáng kể. Toàn hệ thống Học viện thời điểm nhiều nhất có 12 giáo sư (năm học 2016 - 2017). Nguồn nhân lực khoa học có chức danh phó giáo sư trong thời gian qua tăng lên, từ 107 người năm 2009 tăng lên 180 người năm 2018, tăng 68,22%. Hiện nay, có những nhà khoa học còn rất trẻ đã được phong hàm phó giáo sư (dưới 40 tuổi). Năm 2017, số phó giáo sư giảm từ 170 người xuống còn 157 người, một số người đến tuổi nghỉ hưu.

Thực hiện chính sách kéo dài thời gian công tác theo Nghị định số 141/2013/NĐ-CP, ngày 24/10/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học. Theo đó, khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu đối tượng có học hàm, học vị, đủ sức khỏe và nguyện vọng được tiếp tục công tác chuyên môn, đồng thời cơ sở giáo dục có nhu cầu sử dụng, thì tiến sĩ kéo dài thêm 5 năm, phó giáo sư kéo dài thêm 7 năm và giáo sư là 10 năm. Nghị định này của Chính phủ là rất cần thiết. Bởi, một cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng

đạy để phần đầu đạt học vị tiến sĩ và học hàm giáo sư, phó giáo sư không phải dễ. Chính sách kéo dài thời gian công tác đối với giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ mang lại nhiều lợi ích cho các nhà khoa học có trình độ cao và cơ sở đào tạo. Thực hiện chính sách này đã mang lại quyền lợi vật chất, tinh thần, nguyện vọng được kéo dài sự cống hiến trí tuệ, tài năng của các nhà khoa học và sự duy trì được đội ngũ chất lượng cao của Học viện.

- Chú trọng nguồn nhân lực khoa học trẻ

Trong đợt tuyển dụng năm 2000, bên cạnh tiêu chuẩn cứng về trình độ chuyên môn, Học viện chỉ yêu cầu tiêu chuẩn ngoại ngữ trình độ B tiếng Anh và tương đương. Tuy nhiên, trong đợt tuyển dụng năm 2013, tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ phải đạt mức 5.0 IELTS và tương đương. Sau khi tuyển dụng, cán bộ trẻ sẽ được đào tạo một cách bài bản nhằm trang bị kiến thức chuyên môn, lí luận chính trị, rèn luyện trong thực tiễn, phương pháp sư phạm, ngoại ngữ để trở thành những cán bộ khoa học nghiên cứu, giảng dạy kế cận. Đồng thời, Học viện đã chú trọng thu hút những người có trình độ tiến sĩ có chuyên ngành phù hợp.

Với quy trình đào tạo cán bộ trẻ chặt chẽ của Học viện, trong thời gian qua đã có một số cán bộ khoa học có trình độ thạc sĩ ở độ tuổi 26 - 30 và có trình độ tiến sĩ ở độ tuổi 30 - 35. Như vậy, nếu thực hiện tốt theo quy trình này thì trong khoảng 10, 20 năm tới, Học viện sẽ có những cán bộ khoa học trẻ được đào tạo bài bản, có trình độ cao, lại có kiến thức thực tiễn, giỏi ngoại ngữ, nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy hiện đại.

Có thể nói, thời gian qua, Học viện rất chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực khoa học, nhất là đào tạo theo chuyên ngành, các chuyên ngành thuộc viện nghiên cứu đều có mã số đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Việc cử cán bộ đi đào tạo hằng năm cũng được các cấp lãnh đạo quan tâm. Đến nay,

hầu hết cán bộ khoa học ở các viện chuyên ngành đều có trình độ thạc sĩ trở lên.

2. Một số bất cập của nguồn nhân lực khoa học ở Học viện giai đoạn 2009 - 2018

Để thực hiện được chức năng của trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lí trung, cao cấp, cán bộ khoa học lí luận chính trị của hệ thống chính trị; trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lí luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo quản lí, đòi hỏi cán bộ khoa học của Học viện phải có trình độ kiến thức chuyên môn, trình độ lí luận và kiến thức thực tiễn rất cao. Những cán bộ khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên giữ vai trò nòng cốt trong việc nghiên cứu, giảng dạy. Tuy nhiên, tỉ lệ nguồn nhân lực khoa học Học viện phải đạt tỉ lệ 70% trên tổng số cán bộ tại Học viện.

Phát triển nguồn nhân lực khoa học của Học viện trong những năm 2009-2018 đã có bước trưởng thành và chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới cùng thời cơ, thách thức, nguồn nhân lực khoa học của Học viện còn bộc lộ **những mặt hạn chế, yếu kém**, trước hết thể hiện ở số lượng, cơ cấu của nguồn nhân lực khoa học. Cụ thể:

Thứ nhất, hiện nay số lượng nguồn nhân lực khoa học của Học viện còn thiếu so với chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy có kinh nghiệm. Học viện có quy mô lớn so với các bộ, ban, ngành khác, với số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lên tới hơn 2.000 người. Tuy nhiên, nguồn nhân lực khoa học chỉ chiếm chưa tới 50%, còn lại là cán bộ phục vụ, hành chính, hậu cần. Cơ cấu và số lượng cán bộ như vậy chưa đáp ứng định mức chuẩn của một cơ sở nghiên cứu và đào tạo (chuẩn chung là 70% cán bộ khoa học, 30% cán bộ hành chính, phục vụ). Hiện nay, cả Học viện có 10 giáo sư, trong đó chỉ có

2 giáo sư dưới 60 tuổi, còn lại đều trên 60 tuổi. Nhiều cán bộ khoa học có trình độ cao, có kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy hiện tuổi đã cao, sẽ nghỉ hưu trong vài năm tới.

Thứ hai, nguồn nhân lực khoa học Học viện có sự mất cân đối khá lớn về cơ cấu chuyên ngành, độ tuổi và giới tính: (1) Cơ cấu chuyên ngành: Hiện nay, việc phân bổ nguồn nhân lực khoa học có học hàm, học vị giữa các ngành khoa học không đồng đều. Một số ngành thuộc thế mạnh của Học viện nhưng số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ rất ít. Sự bất hợp lý thể hiện rõ nhất ở sự phân bố không đồng đều giữa Học viện Trung tâm và các Học viện trực thuộc. Trong khi chức năng nhiệm vụ giống nhau, đặc biệt là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (từ khi Giám đốc Học viện quyết định đào tạo chung một chương trình và xóa bỏ việc phân cấp đôi tượng đào tạo), thì số cán bộ khoa học có học hàm giáo sư, phó giáo sư ở các Học viện khu vực lại rất mỏng. Đó là nguyên nhân chính làm cho chất lượng đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học của các Học viện trực thuộc còn một số hạn chế. Hơn thế, điều này còn gây nên nhiều hệ lụy khác trong bố trí, sử dụng cán bộ. (2) Cơ cấu ngành viên chức: Cơ cấu viên chức khá cân đối giữa các ngành, tuy nhiên còn có sự mất cân đối giữa hai loại: Giảng viên và nghiên cứu viên. (3) Cơ cấu theo độ tuổi: Mặc dù trong những năm qua, Học viện đã tích cực tuyển dụng cán bộ trẻ, đào tạo để tạo nguồn bổ sung cho nguồn nhân lực khoa học lớn tuổi nghỉ hưu, khắc phục được phần nào về tình trạng hẫng hụt nguồn nhân lực khoa học, nhưng cơ cấu cán bộ khoa học theo độ tuổi hiện vẫn còn những bất cập. Trước hết, vẫn còn sự hẫng hụt nhất định về độ tuổi, nhất là độ tuổi trên dưới 50. Nguồn nhân lực có độ tuổi này đáng lẽ phải đóng vai trò chủ lực trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, nhưng do số lượng ít, nên thực tế cán bộ ở độ tuổi trên 60 và trên 40 đang là lực lượng chính trong công tác nghiên cứu,

giảng dạy. Sở dĩ có tình trạng “hụt hẫng” nêu trên là do trong nhiều năm Học viện không tuyển dụng cán bộ, đến lúc hụt hẫng quá thì tuyển dụng một số lượng lớn cán bộ trẻ. Việc tuyển dụng cán bộ trẻ đã bổ sung nguồn nhân lực khoa học, nhưng việc tuyển dụng cán bộ với số lượng lớn cùng độ tuổi sẽ tạo ra khả năng hụt hẫng cán bộ trong tương lai. (4) Cơ cấu theo giới tính: Cơ cấu theo giới tính của nguồn nhân lực khoa học Học viện bộc lộ rõ nhất mặt hạn chế. Số cán bộ nữ đông, nhưng tỉ lệ cán bộ khoa học nữ có học hàm, học vị cao lại thấp. Hạn chế của phát triển nguồn nhân lực khoa học bộc lộ rõ qua chất lượng của đội ngũ cán bộ khoa học. Nhìn chung, nguồn nhân lực khoa học ở Học viện mạnh về lý thuyết, nhưng hạn chế về kiến thức thực tiễn và khả năng phát hiện, nắm bắt cái mới. Trong khi khá vững về giảng dạy, thì năng lực nghiên cứu khoa học chưa thật nổi trội. Do những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực khoa học mà chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học của Học viện còn có những hạn chế, nhất là về khả năng cập nhật kiến thức khoa học hiện đại, khả năng hiểu biết thực tiễn thế giới; việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, cập nhật kiến thức, chủ trương, chính sách học viện cũng hạn chế. Trong môi trường của Học viện, nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng, không những giúp giảng viên, nghiên cứu viên cùng có trình độ chuyên môn, gắn li luận với thực tiễn, mà còn tạo điều kiện cho họ vận dụng lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, khả năng ngoại ngữ của một bộ phận lớn nguồn nhân lực khoa học chưa cao, là rào cản khả năng viết và đăng các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế và tham dự các hội thảo, các nghiên cứu mang tầm quốc tế.

Những cán bộ khoa học có trình độ cao, có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, giảng dạy đa số đều lớn tuổi, chuẩn bị nghỉ hưu trong vài năm tới. Trong khi đó, lớp cán

bộ kế tiếp (trên dưới 50 tuổi) lại bị hẫng, còn số cán bộ trẻ tuy được đào tạo bài bản, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nhưng còn "non" về kinh nghiệm nghiên cứu cũng như chưa được kinh qua hoạt động thực tiễn nên chưa đủ độ "dầm" để tạo nên bước chuyển đột phá trong nghiên cứu và giảng dạy.

Hạn chế của nguồn nhân lực khoa học Học viện còn thể hiện qua kết quả hoạt động của đội ngũ này. Mặc dù nguồn nhân lực khoa học đảm nhiệm một khối lượng công việc rất lớn, vừa phải giảng dạy, vừa phải nghiên cứu khoa học, nhưng chất lượng sản phẩm chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của xã hội và sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước. Chất lượng đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa cao, còn những bài giảng xơ cứng, buồn tẻ, thiếu thông tin và phương pháp tích cực nên chưa tạo sự hứng thú cho người học. Trong nghiên cứu khoa học, trong nhiều năm, Học viện chưa có công trình khoa học nào thật sự nổi trội, gây ảnh hưởng, tiếng vang lớn trong đời sống xã hội. Những năm gần đây, Học viện đã cố gắng tập trung nguồn lực để thực hiện nghiên cứu một số công trình khoa học lớn, nhưng chất lượng và mức độ đóng góp vẫn còn khiêm tốn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, để phát triển nguồn nhân lực khoa học có chuyên môn sâu, có năng lực nghiên cứu, phẩm chất đạo đức tốt; bảo đảm đủ về số lượng; có khả năng hội nhập; đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Học viện trong thời kỳ mới là nhu cầu khách quan và bức thiết.

Nhiệm vụ của Học viện trong thời gian tới là hết sức nặng nề. Một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất là đào tạo dự nguồn cán bộ chuẩn bị cho nhân sự Đại hội lần thứ XIII của Đảng và tham gia nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, tham gia soạn thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Xuất phát từ bối cảnh trong nước hiện nay đòi hỏi Học viện phải xây dựng và phát triển

nguồn nguồn nhân lực khoa học đủ mạnh để có thể hoàn thành tốt trọng trách được giao, nhất là trong điều kiện chất lượng của công tác phát triển nguồn nhân lực khoa học của Học viện vẫn còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực khoa học chưa tương xứng với tầm cỡ của một trung tâm khoa học lớn của cả nước và hiện tại đang có sự hụt hẫng về nguồn nhân lực khoa học, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học đầu đàn, các chuyên gia giỏi. Cơ cấu nguồn nhân lực khoa học tuy đã được bổ sung, điều chỉnh trong những năm gần đây, nhưng vẫn còn có sự bất cập.

Để phát huy thành tựu, khắc phục hạn chế, bất cập về nguồn nhân lực khoa học của Học viện trong thời gian tới cần chú trọng một số nội dung sau: (1) Phát triển nguồn nhân lực khoa học phải gắn liền với chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030; (2) Coi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học là nhân tố quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược; (3) Phát triển nguồn nhân lực khoa học phải được thực hiện đồng bộ trên tất cả các khâu, từ tuyển chọn, tạo nguồn quy hoạch, đến đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và thực hiện chế độ đãi ngộ; (4) Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học lý luận chính trị là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, có tầm quan trọng chiến lược; (5) Phát triển nguồn nhân lực khoa học phải phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và khu vực.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới, phát triển nguồn nhân lực của Học viện cần tiếp tục đổi mới đồng bộ, toàn diện, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học có số lượng và cơ cấu hợp lý; có sự kế tục liên tục giữa các thế hệ; có chất lượng không ngừng được nâng cao, có khả năng tham gia hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao cho Học viện, xứng đáng là Trường Đảng mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu □